TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 02- 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Ông Nguyễn Thế Phượng

Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân khu vực 8- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2026/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2026/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994

Nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã P, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ hiện nay: thôn Lương Cầu, xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: anh Đỗ Quốc H1, sinh năm 1984

Đều có địa chỉ: thôn L, xã P, tỉnh Hưng Yên

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Đỗ Quốc H1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 10/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H1 ghen tuông và thường xuyên

đánh chửi chị. Chị và anh H1 đã ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H1.

Chị và anh H1 có 03 con chung là Đỗ Hoài T, sinh ngày 12/9/2011; Đỗ Khánh H2, sinh ngày 25/4/2017 và Đỗ Đức P, sinh ngày 06/5/2021. Hiện nay, con H2 đang ở cùng chị, còn con T và con P đang ở cùng anh H1. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con H2, còn anh P trực tiếp nuôi dưỡng con T và con P. Chị và anh H1 không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay, chị H là công nhân của công ty TNHH V, thu nhập hàng tháng trung bình 12.000.000 đồng. Chị H đang ở cùng mẹ đẻ tại thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Đỗ Quốc H1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H1 không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với mẹ đẻ anh H1 là bà Nguyễn Thị M cung cấp: sau khi kết hôn, vợ chồng anh H1, chị H chung sống cùng gia đình bà đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ ngoài luồng dẫn đến đánh chửi nhau; chị H đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ. Khoảng tháng 11/2025 chị H đã dẫn con Đỗ Khánh H2 về ở nhà mẹ đẻ chị H từ đó đến nay. Quan điểm của bà mong vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì gia đình bà đành phải chịu. Anh H1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh H1 đi làm từ sáng đến tối mới về gia đình nên không có thời gian lên Tòa án làm việc. Anh H1 có trao đổi với bà: anh H1 không muốn ly hôn nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh H1 cũng đồng ý. Anh H1 có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 con chung vì không muốn tách các con nhưng nếu không được thì anh H1 xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Hoài T và Đỗ Đức P, còn chị H trực tiếp nuôi con Đỗ Khánh H2. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị H được ly hôn anh H1; về quan hệ con chung: cần giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Khánh H2, sinh ngày 25/4/2017; giao cho anh Đỗ Quốc H1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Hoài T, sinh ngày 12/9/2011 và Đỗ Đức P, sinh ngày 06/5/2021. Chị

H và anh H1 không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Đỗ Quốc H1 có địa chỉ nơi cư trú tại xã P, tỉnh Hưng Yên, căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và Đỗ Quốc H1 xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh H1 thường xuyên đánh chửi chị H và vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Chị H cương quyết xin ly hôn còn anh H1 không muốn ly hôn nhưng anh H1 cũng không đến Tòa án giải quyết, hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H và anh H1 đều chính đáng và cả hai đều có điều kiện nuôi con. Hiện nay, con H2 đang ở cùng chị H và có nguyện vọng ở với mẹ; còn con T và con P đang ở cùng anh H1; con T có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Khánh H2; giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Hoài T và Đỗ Đức P. Hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do không ai có yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: chị H và anh H1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Quốc H1.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Khánh H2, sinh ngày 25/4/2017; giao cho anh Đỗ Quốc H1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Hoài T, sinh ngày 12/9/2011 và Đỗ Đức P, sinh ngày 06/5/2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định. Chị H và anh H1 không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004325 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quốc H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- UBND xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng